

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 120 /CBTT-CN&MTĐT

Đồng Tháp, ngày 16 tháng 03 năm 2021

V/v công bố Báo cáo tài chính  
tổng hợp năm 2020

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GD&ĐT HÀ NỘI**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên tổ chức: **Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: (0277) 3853332 Fax: (0277) 3852825

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Lý Thu Cúc

Địa chỉ: Số 07 đường Nguyễn Trường Tộ, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại di động: 0918.282.870

Loại thông tin công bố:  Định kỳ  Bất thường  24h  Theo yêu cầu

**Nội dung thông tin công bố:**

Báo cáo Tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2020 (Bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020) của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty: [www.dowasen.com](http://www.dowasen.com), tại chuyên mục Quan hệ cổ đông từ ngày 16/03/2021.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

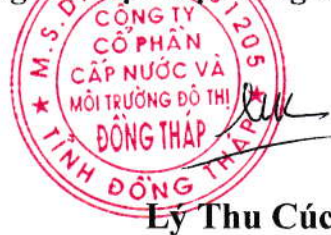
- Như trên;
- HĐQT (b/c), BKS (g/s);
- BTGD;
- Lưu: VT, CBTT (2b).

**Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo Tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2020;

**TUQ. NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Người thực hiện công bố thông tin**

  
**Lý Thu Cúc**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	7 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	12 - 44

# CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, từ trang 7 đến trang 44 kèm theo.

### KHÁI QUÁT CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09/07/2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng, chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Sản xuất, kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; dịch vụ đô thị; Sản xuất, mua bán nước uống đóng chai, đóng bình...

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Phan Đình Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đê	Thành viên
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Dũng	Thành viên

#### Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Ban
Bà Phạm Thị Kim Dung	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Hồng	Thành viên

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Đê	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thượng Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong năm 2020 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Hoàng Quốc Hưng.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

### **Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Đễ.

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

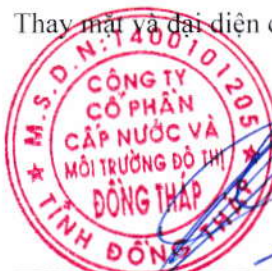
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)**

**CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin cụ thể như sau:

- Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty Đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.
- Từ ngày 01/01/2021, Công ty áp dụng quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Văn Đê**  
**Tổng Giám đốc**

*Tp. Cao Lãnh, ngày 15 tháng 03 năm 2021*



Số: 013 /2021/UHYHCM-BCKTDL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 03 năm 2021, từ trang 7 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Ban Tổng Giám đốc.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được nêu tại mục 38.3 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Tại ngày 31/12/2020, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 29.103.537.956 đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh không làm thay đổi ý kiến kiểm toán đã trình bày.



**Phan Thanh Điền**

**Giám đốc**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1496-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY – CHI NHÁNH TẠI TP.HCM**

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021*

**Lương Ngô Bảo Trân**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán  
số: 1828-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>103.018.881.329</b>	<b>96.651.643.384</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>31.733.082.610</b>	<b>29.356.100.385</b>
Tiền	111		31.733.082.610	20.856.100.385
Các khoản tương đương tiền	112		-	8.500.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>3.700.000.000</b>	<b>-</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	3.700.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>34.062.510.815</b>	<b>37.554.983.595</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	22.249.360.718	24.114.099.315
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	464.655.600	3.550.674.823
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.841.864.757	11.315.343.889
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(1.493.370.260)	(1.425.134.432)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>33.430.788.012</b>	<b>29.714.654.228</b>
Hàng tồn kho	141		33.430.788.012	29.714.654.228
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>92.499.892</b>	<b>25.905.176</b>
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	92.499.892	25.905.176
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>927.979.427.569</b>	<b>906.901.814.636</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>404.912.760.070</b>	<b>379.390.835.634</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	11	404.308.527.963	378.990.835.634
- Nguyên giá	222		719.141.399.319	658.646.148.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(314.832.871.356)	(279.655.313.222)
Tài sản cố định vô hình	227	12	604.232.107	400.000.000
- Nguyên giá	228		1.280.263.743	1.076.031.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(676.031.636)	(676.031.636)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>507.079.921.465</b>	<b>514.810.594.067</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	507.079.921.465	514.810.594.067
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>84.040.000</b>	<b>84.040.000</b>
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	14	84.040.000	84.040.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.902.706.034</b>	<b>12.616.344.935</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	15.902.706.034	12.616.344.935
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.030.998.308.898</b>	<b>1.003.553.458.020</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>725.513.701.983</b>	<b>707.592.454.562</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>601.933.550.773</b>	<b>578.587.445.201</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	18.206.227.080	10.319.665.785
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	2.152.437.637	1.194.697.656
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	4.612.132.570	5.616.282.841
Phải trả người lao động	314		25.927.709.916	22.164.307.730
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	8.905.833.238	6.390.933.029
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	487.295.562.197	486.520.942.960
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	54.750.282.368	46.291.277.255
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		83.365.767	89.337.945
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>123.580.151.210</b>	<b>129.005.009.361</b>
Phải trả dài hạn khác	337	20	23.715.760.799	24.241.339.823
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	95.646.486.700	103.163.498.000
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		4.217.903.711	1.600.171.538
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>305.484.606.915</b>	<b>295.961.003.458</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>305.484.606.915</b>	<b>295.931.838.449</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.181.300.000	259.181.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.181.300.000	259.181.300.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		19.592.728.586	12.211.062.365
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		26.710.578.329	24.539.476.084
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		26.710.578.329	24.539.476.084
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>29.165.009</b>
Nguồn kinh phí	431	23	-	29.165.009
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.030.998.308.898</b>	<b>1.003.553.458.020</b>

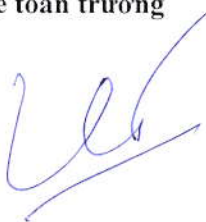
Tp. Cao Lãnh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Hưng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đễ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>358.924.622.499</b>	<b>320.741.483.333</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	243.774.545
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>358.924.622.499</b>	<b>320.497.708.788</b>
Giá vốn hàng bán	11	26	255.507.863.224	222.854.502.091
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>103.416.759.275</b>	<b>97.643.206.697</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	490.570.639	563.160.682
Chi phí tài chính	22	28	5.051.514.186	4.340.859.999
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>5.051.514.186</i>	<i>4.340.859.999</i>
Chi phí bán hàng	25	29	29.646.951.606	29.855.639.319
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	38.390.204.237	35.728.919.010
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>30.818.659.885</b>	<b>28.280.949.051</b>
Thu nhập khác	31	30	1.100.641.803	218.424.639
Chi phí khác	32	31	1.502.777.267	1.013.113.209
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(402.135.464)</b>	<b>(794.688.570)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>30.416.524.421</b>	<b>27.486.260.481</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	3.705.946.092	2.946.784.397
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>26.710.578.329</b>	<b>24.539.476.084</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.031	793
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	35	1.031	793

Tp. Cao Lãnh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu



Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Hưng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đê

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>30.416.524.421</b>	<b>27.486.260.481</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		49.367.957.196	50.719.116.213
Các khoản dự phòng	03		352.007.122	96.312.190
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		446.654.428	272.701.283
Chi phí lãi vay	06		5.051.514.186	4.340.859.999
Các khoản điều chỉnh khác	07		3.080.591.285	1.481.266.000
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>88.715.248.638</b>	<b>84.396.516.166</b>
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09		3.181.722.997	(12.763.594.426)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(3.716.133.784)	237.802.982
Tăng/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.523.764.518	7.697.417.554
(Tăng)/(tăng) chi phí trả trước	12		(3.286.361.099)	(2.029.837.264)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.064.586.181)	(4.344.665.696)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.929.014.002)	(2.445.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.409.527.122)	(8.614.322.648)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>86.015.113.965</b>	<b>62.134.316.668</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(68.096.434.097)	(47.063.240.464)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	127.272.727
Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.700.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	2.000.027.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		382.718.584	559.155.736
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(71.413.715.513)</b>	<b>(44.376.785.001)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (TIẾP)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		70.719.072.611	20.922.618.768
Tiền trả nợ gốc vay	34		(69.777.078.798)	(38.803.805.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(13.166.410.040)	(10.367.252.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(12.224.416.227)</b>	<b>(28.248.438.232)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.376.982.225</b>	<b>(10.490.906.565)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>5</b>	<b>29.356.100.385</b>	<b>39.847.006.950</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>31.733.082.610</b>	<b>29.356.100.385</b>

Tp. Cao Lãnh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Đê

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần từ ngày 26/04/2017 theo Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 1400101205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 27/09/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 09/07/2019.

Vốn điều lệ của Công ty là 259.181.300.000 đồng chia thành 25.918.130 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở của Công ty đặt tại số 01, Đường Tôn Đức Thắng, Phường 1, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

Công ty trở thành công ty đại chúng từ ngày 26/04/2017 và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận tại văn bản số 7523/UBCK-GSDC ngày 03/11/2017. Cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên thị trường UPCoM từ ngày 24/01/2019, với mã chứng khoán “DWS”.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, cung cấp nước sạch, thu gom rác thải và các dịch vụ môi trường, tư vấn khác trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán vật tư xây dựng, vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất vật tư, sản phẩm chuyên ngành cấp thoát nước, dịch vụ đô thị;
- Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ. Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng và các dịch vụ kèm theo có liên quan;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước sạch phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các nhu cầu khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Vệ sinh chung nhà cửa. Chi tiết: Dịch vụ vệ sinh cơ quan, hộ gia đình;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Chăm sóc hoa kiểng cơ quan, hộ gia đình;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường; lập báo cáo giám sát, quan trắc nước và môi trường; lập phương án phân vùng, tách mạng, phòng và chống thất thu, thất thoát nước, quản lý tài sản;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước uống đóng chai, đóng bình; Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Mua bán nước uống đóng chai, đóng bình;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải độc hại;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP)**

- Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;
- Xây dựng công trình đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;
- Xây dựng công trình cấp thoát nước. Chi tiết: Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (thoát nước);
- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom và vận chuyển rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình thủy. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công ích khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng, khai thác, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đô thị, nông thôn (cầu, đường, vỉa hè, công viên, cây xanh, điện chiếu sáng công cộng);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước, hệ thống tưới và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cống, thoát nước;
- Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt. Chi tiết: Dịch vụ rút hầm cầu;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp;
- Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm. Chi tiết: Vườn ươm cây;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển, di dời đồ đạc cơ quan, gia đình, công trình xây dựng, vận chuyển phế liệu xây dựng;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng.

**1.4 CHU KỶ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty có chu kỳ quay vòng thường xuyên và liên tục trong tháng.

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là khai thác, xử lý, cung cấp nước sạch và cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý rác thải. Yếu tố chính sách về đơn giá tiền nước, đơn giá thu gom rác thải, thuế tài nguyên, chính sách khuyến khích ưu đãi của địa phương và của Nhà nước thay đổi theo từng thời kỳ có ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY**

Công ty không có công ty con, công ty liên kết.

Công ty có các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc bao gồm:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.6 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
Chi nhánh Cấp nước Nam Sông Tiền	Số 207b, Trần Hưng Đạo, Phường 1, Tp. Sa Đéc, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Đông Bắc Sông Tiền	Số 01, Nguyễn Huệ, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Cấp nước Tây Bắc Sông Tiền	Quốc lộ 30, Phường An Lộc, Tp. Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Dịch vụ Môi trường	Số 15/4, Quốc lộ 30, P. Mỹ Phú, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Nước Đóng chai Dowasen	Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 34, 35 và 38.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 KỶ KẾ TOÁN NĂM**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

**2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3.2 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan để lập và trình bày các Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, VÀ THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

**4.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:* bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại.

*Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:* bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

**4.7 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính tài sản. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 20
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.8. NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

***Chương trình phần mềm***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

**4.9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các công cụ dụng cụ và các chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh khác có thời hạn phân bổ không quá 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

**4.10. CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.10 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

#### **4.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **4.12 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng cho mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

#### **4.13 GHI NHẬN DOANH THU**

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Công ty được hưởng một số ưu đãi thuế suất và miễn giảm thuế theo quy định tại Khoản 3 Điều 19 của Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt, Công ty được hưởng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động theo Công văn 2506/CT-TTHT ngày 26/10/2017 của Cục thuế tỉnh Đồng Tháp.
- Đối với khoản thu nhập thuộc lĩnh vực kinh doanh thông thường, lĩnh vực hoạt động tài chính, thu nhập khác được áp dụng với mức thuế suất thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai, hoạt động xây lắp, bán vật tư, dịch vụ thu gom vận chuyển rác và các dịch vụ khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách hàng. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**4.16 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó bên liên quan của Công ty là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	967.619.568	945.287.881
Tiền gửi ngân hàng	30.765.463.042	19.910.812.504
Các khoản tương đương tiền (*)	-	8.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.733.082.610</b>	<b>29.356.100.385</b>

(\*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>3.700.000.000</b>	<b>3.700.000.000</b>	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	3.700.000.000	3.700.000.000	-	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-

(\*) Là số dư khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn gốc 12 tháng, lãi suất 6%/năm, đã được cầm cố để đảm bảo cho hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng cầm cố số 16/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/06/2020.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>22.249.360.718</b>	<b>(1.493.370.260)</b>	<b>24.114.099.315</b>	<b>(1.425.134.432)</b>
- Phải thu của khách hàng Nước sinh hoạt	5.795.874.842	(416.210.056)	5.873.894.387	(551.583.413)
- Ban quản lý Công trình nâng cấp hệ thống thoát nước khu vực chợ cá Cao Lãnh	-	-	116.487.000	-
- Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Đồng Tháp	874.588.000	-	-	-
- Ban Quản lý Chợ Thành phố Cao Lãnh	2.895.724.000	-	1.466.547.000	-
- Ban Quản lý Công trình Công cộng Thành phố Cao Lãnh	3.630.471.000	-	4.481.836.000	-
- Ban Quản lý Công trình Đô thị Thành phố Sa Đéc	1.807.829.000	-	3.429.364.000	-
- Phòng Kinh tế và hạ tầng Huyện Cao Lãnh	-	-	948.408.000	-
- Phải thu của khách hàng ngắn hạn khác	7.244.873.876	(1.077.160.204)	7.797.562.928	(873.551.019)
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu của khách hàng là bên liên quan</b>	-	-	-	-

**8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>464.655.600</b>	-	<b>3.550.674.823</b>	-
- Huỳnh Phát Nguyên	-	-	1.310.000.000	-
- Công ty TNHH Minh Lợi	-	-	1.000.000.000	-
- Cơ sở hàn tiện cắt sắt Tiền Giang	-	-	423.000.000	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	464.655.600	-	817.674.823	-
<b>Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Trả trước cho người bán là bên liên quan</b>	-	-	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***9. PHẢI THU KHÁC**

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>12.841.864.757</b>	-	<b>11.315.343.889</b>	-
- Tạm ứng	7.050.833.559	-	8.165.121.734	-
- Phải thu thuế TNCN	1.413.924.860	-	1.000.924.597	-
- Phải thu lãi dự thu	120.427.397	-	12.575.342	-
- Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn	5.132.069	-	443.551.784	-
- Cầm cố, thế chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	465.632.000	-	907.169.220	-
- Phải thu Liên danh GECPL - SFC Việt Nam	-	-	757.025.090	-
- Phải thu do thu hồi đất dự án thoát nước Tp. Cao Lãnh	3.042.207.120	-	-	-
- Phải thu khác	743.707.752	-	28.976.122	-
<b>Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.841.864.757</b>	-	<b>11.315.343.889</b>	-

**10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	28.619.849.514	-	27.706.646.534	-
Công cụ dụng cụ	744.710.331	-	336.564.767	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.804.567.626	-	1.460.651.855	-
Thành phẩm	194.495.539	-	142.547.139	-
Hàng hoá	67.165.002	-	68.243.933	-
<b>Cộng</b>	<b>33.430.788.012</b>	-	<b>29.714.654.228</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>333.797.291.409</b>	<b>51.238.952.416</b>	<b>272.154.328.036</b>	<b>1.455.576.995</b>	<b>658.646.148.856</b>
- Đầu tư XDCB hoàn thành	11.635.610.887	1.686.870.493	22.537.830.301	-	35.860.311.681
- Mua trong năm	522.727.273	3.155.543.820	7.032.481.818	341.810.000	11.052.562.911
- Mua nhà máy nước mặt Đông Bình (*)	23.251.000.000	5.345.000.000	114.000.000	-	28.710.000.000
- Phân loại lại sau điều chuyển tài sản	(317.800.000)	317.800.000	-	-	-
- Thanh lý TSCĐ	(3.048.287.273)	(76.235.000)	(12.003.101.856)	-	(15.127.624.129)
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>365.840.542.296</b>	<b>61.667.931.729</b>	<b>289.835.538.299</b>	<b>1.797.386.995</b>	<b>719.141.399.319</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>(116.089.531.378)</b>	<b>(26.538.039.865)</b>	<b>(136.258.443.945)</b>	<b>(769.298.034)</b>	<b>(279.655.313.222)</b>
- Khấu hao trong năm	(29.373.319.396)	(3.936.498.552)	(15.864.864.196)	(193.275.052)	(49.367.957.196)
- Phân loại lại sau điều chuyển tài sản	135.099.869	(135.099.869)	-	-	-
- Thanh lý TSCĐ	2.141.776.060	76.235.000	11.972.388.002	-	14.190.399.062
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>(143.185.974.845)</b>	<b>(30.533.403.286)</b>	<b>(140.150.920.139)</b>	<b>(962.573.086)</b>	<b>(314.832.871.356)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>217.707.760.031</b>	<b>24.700.912.551</b>	<b>135.895.884.091</b>	<b>686.278.961</b>	<b>378.990.835.634</b>
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>222.654.567.451</b>	<b>31.134.528.443</b>	<b>149.684.618.160</b>	<b>834.813.909</b>	<b>404.308.527.963</b>

(\*) Là giá trị tài sản trúng đấu giá được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp phê duyệt theo Quyết định số 638/QĐ-UBND-HC ngày 11/05/2020, gồm các tài sản của Nhà máy nước mặt Đông Bình được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định số 1632/QĐ-UBND-HC ngày 24/12/2019, tọa lạc tại Ấp Đông Bình, Xã Hòa An, Tp. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 85.235.110.667 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2020 là 125.754.613.946 đồng.

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại 01/01/2020	400.000.000	312.088.000	363.943.636	1.076.031.636
- Mua trong năm	204.232.107	-	-	204.232.107
Tại 31/12/2020	<u>604.232.107</u>	<u>312.088.000</u>	<u>363.943.636</u>	<u>1.280.263.743</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
Tại 01/01/2020	-	(312.088.000)	(363.943.636)	(676.031.636)
Tại 31/12/2020	-	<u>(312.088.000)</u>	<u>(363.943.636)</u>	<u>(676.031.636)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2020	<u>400.000.000</u>	-	-	<u>400.000.000</u>
Tại 31/12/2020	<u>604.232.107</u>	-	-	<u>604.232.107</u>

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 676.031.636 đồng.

Quyền sử dụng đất mua trong năm là thửa đất số 60, diện tích 193 m<sup>2</sup> tại Xã Tân Phú Trung, Huyện Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp. Thời hạn sử dụng đất lâu dài nên Công ty không trích khấu hao tài sản này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>Tại 01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh (*)	446.119.599.344	448.537.806.464
- Hệ thống cấp nước xã Thường Thới Tiền - Công suất 3000m <sup>3</sup> /ngày đêm (*)	23.910.943.855	22.959.855.408
- CT NMN Huyện Tháp Mười (Trạm CN ngầm TT.Mỹ An Tháp Mười)	-	3.097.768.332
- Đường nội bộ vào nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và nguy hại, hạng mục: Nền, mặt đường, điện, chiếu sáng, ĐĐ: xã Mỹ Thọ, HCL.ĐT (*)	1.862.406.000	1.862.406.000
- Cải tạo trạm cấp nước Tân Long-Tân Tịch, P6, TPCL,ĐT-CS:2.500m <sup>3</sup> /ngđ	776.918.773	2.456.833.683
- Trạm cấp nước Doanh nghiệp tư nhân Tiến Dung-xã Tân Nhuận Đông-H.Châu Thành	2.630.148.000	4.633.728.000
- Trạm cấp nước KCN Trần Quốc Toàn-HM: Bể chứa nước sạch, cầu lấy nước, mạng lưới đường ống	4.424.559.052	1.720.645.692
- NMN mặt xã Tân Nghĩa -Huyện Cao Lãnh	588.133.526	2.395.545.356
- Cải tạo nâng es - NMNM Bình Thành, H.Lấp Vò. HM: Bể chứa nước sạch	32.270.909	3.153.617.549
- Trạm Cấp nước Bình Phú-H.Tân Hồng.CS:2.500m <sup>3</sup> /ngđ	6.196.667.491	4.503.272.694
- Trạm cấp nước Thanh Bình-HM: Bể chứa nước sạch. H.Thanh Bình	2.851.121.435	1.819.226.200
- CT: Trạm cấp nước xã Mỹ Hiệp-H.Cao Lãnh.HM: Bể chứa nước sạch. HCL-Đồng Tháp	2.479.983.462	1.441.782.609
- Nhà máy nước xã Phú Hựu-Huyện Châu Thành	2.354.723.808	-
- Cải tạo nâng công suất Nhà máy nước Tân Phú Trung-H.Châu Thành	3.107.242.472	58.533.300
- Nhà máy nước An Phú Thuận-H.Châu Thành	2.029.792.058	37.400.000
- Các công trình khác	7.715.411.280	16.132.172.780
<b>Cộng</b>	<b>507.079.921.465</b>	<b>514.810.594.067</b>

(\*) Các công trình trên được xây dựng trên hai nguồn vốn bao gồm nguồn vốn Ngân sách nhà nước và nguồn vốn ODA do Ngân hàng Tái Thiết Đức (KfW) tài trợ. Sau khi các công trình hoàn thành, Công ty sẽ thực hiện bàn giao lại tài sản cho đơn vị tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp.

Riêng dự án Thoát nước và Xử lý nước thải Thành phố Cao Lãnh: Trong năm 2020, Công ty đã điều chỉnh giảm nguồn vốn dự án với tổng giá trị là **3.042.207.120** đồng theo Công văn số 228/QĐ-UBND-NĐ ngày 07/8/2019 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc thu hồi 28.701,6 m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 1098, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại Phường 3, Thành phố Cao Lãnh (là một phần diện tích đất đã được UBND tỉnh cho thuê tại Quyết định số 362/QĐ-UBND-NĐ ngày 13/9/2016).

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2020			Tại 01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>84.040.000</b>	-	<b>84.040.000</b>	<b>84.040.000</b>	-	<b>84.040.000</b>
Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường (*)	84.040.000	-	84.040.000	84.040.000	-	84.040.000

(\*) Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Tư vấn Cấp thoát nước và Môi trường với tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết là 1,25%.

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>Ngắn hạn</b>	-	-
<b>Dài hạn</b>	<b>15.902.706.034</b>	<b>12.616.344.935</b>
- Chi phí lắp đặt thủy lượng kế	6.778.235.755	7.455.155.074
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.128.434.989	1.429.716.360
- Chi phí đầu tư hệ thống cấp nước	950.154.684	186.502.811
- Chi phí thuê quyền sử dụng đất	4.855.397.818	3.270.035.863
- Chi phí trả trước dài hạn khác	1.190.482.788	274.934.827
<b>Cộng</b>	<b>15.902.706.034</b>	<b>12.616.344.935</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>18.206.227.080</b>	<b>18.206.227.080</b>	<b>10.319.665.785</b>	<b>10.319.665.785</b>
- Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Minh Nghi	1.736.825.244	1.736.825.244	532.564.604	532.564.604
- Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	913.000.000	913.000.000	955.240.000	955.240.000
- Công ty Cổ phần HAWACO	913.000.000	913.000.000	-	-
- Công ty TNHH Quang Nhựt	1.402.625.700	1.402.625.700	-	-
- Công ty CP Thương Mại Đầu Tư Vân Long CDC	1.093.840.000	1.093.840.000	546.920.000	546.920.000
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Tiến	1.679.365.160	1.679.365.160	-	-
- Công ty Cổ phần SAMECO	882.145.000	882.145.000	325.292.000	325.292.000
- Công ty Xăng Dầu Đồng Tháp (TNHH MTV)	370.149.170	370.149.170	878.277.515	878.277.515
- Ông Vưu Công Minh	-	-	672.609.000	672.609.000
- Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Gia Lê	851.280.000	851.280.000	-	-
- Phải trả nhà cung cấp ngắn hạn khác	8.363.996.806	8.363.996.806	6.408.762.666	6.408.762.666
<b>Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Tại 31/12/2020 VND	Tại 01/01/2020 VND
<b>Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>2.152.437.637</b>	<b>1.194.697.656</b>
- Hệ Thống Thoát Nước Thành Phố Cao Lãnh	656.423.000	-
- Trường Tiểu học Phường 4, Thành phố Cao Lãnh	186.000.000	186.000.000
- Công trình trồng cây xanh thảm cỏ trụ sở Công ty TNHH MTV xổ số kiến thiết Đồng Tháp	-	372.789.000
- Công ty CP Tập Đoàn FLC	1.139.431.014	331.160.049
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	170.583.623	304.748.607
<b>Các khoản người mua trả tiền trước dài hạn</b>	-	-
<b>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	-	-

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	Tại 01/01/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Tại 31/12/2020 VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	<b>5.616.282.841</b>	<b>40.096.694.415</b>	<b>41.100.844.686</b>	<b>4.612.132.570</b>
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	933.377.295	10.972.526.457	10.560.713.118	1.345.190.634
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.130.568.018	3.705.946.092	4.836.514.110	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	2.839.101.457	2.196.226.079	642.875.378
- Thuế tài nguyên	711.768.474	4.803.795.969	5.121.650.677	393.913.766
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	57.783.974	57.783.974	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	1.627.969.711	1.885.928.018	2.569.114.018	944.783.711
- Phí, lệ phí, các khoản phải nộp khác	1.212.599.343	15.831.612.448	15.758.842.710	1.285.369.081
<b>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</b>	<b>25.905.176</b>	<b>25.905.176</b>	<b>92.499.892</b>	<b>92.499.892</b>
- Thuế thu nhập cá nhân	25.905.176	25.905.176	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	92.499.892	92.499.892

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>Tại 01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.905.833.238</b>	<b>6.390.933.029</b>
- Chi phí xử lý rác thải sinh hoạt	8.832.615.404	6.079.270.092
- Chi phí lãi vay phải trả	73.217.834	86.289.829
- Trích trước chi phí thuê đất (HIDICO)	-	225.373.108
<b>Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>8.905.833.238</b>	<b>6.390.933.029</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>Tại 01/01/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>487.295.562.197</b>	<b>486.520.942.960</b>
- Kinh phí công đoàn	14.243.094	19.439.701
- Bảo hiểm xã hội	-	440.313.931
- Bảo hiểm y tế	83.762.550	84.865.321
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.116.082.800	1.861.919.300
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	485.081.473.753	484.114.404.707
+ Dịch vụ Tư vấn Giám sát FICHTNER	85.086.000	85.086.000
+ Phí nước thải	5.466.398.686	4.791.454.365
+ Ban QLDA Nâng cấp Đô thị TP.Cao Lãnh (*)	13.352.000.000	13.352.000.000
+ Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp (*)	1.002.692.350	1.002.692.350
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí quản lý dự án	2.600.098.369	2.600.098.369
+ Ban QLDA Công ty - Chi phí thẩm tra, giám sát, phê duyệt quyết toán	954.559.000	954.559.000
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh (**)	449.753.455.114	452.582.121.204
+ Dự án Thoát nước TP.Cao Lãnh - đấu nối hộ gia đình (**)	3.314.999.000	-
+ Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	290.435.844	290.435.844
+ Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	235.143.180	235.143.180
+ Dự án Đường nội bộ vào Nhà máy xử lý rác, Đập Đá HCL (**)	1.862.406.000	1.862.406.000
+ Hệ thống cấp nước Xã Tân Khánh Trung, Huyện Lấp Vò (Sở Tài chính)	4.196.781.428	5.036.137.714
+ Phòng Tài chính Kế hoạch TP.Cao Lãnh	483.030.000	483.030.000
+ UBND Huyện Hồng Ngự	800.000.000	-
+ Phải trả, phải nộp khác	684.388.782	839.240.681
<b>Dài hạn</b>	<b>23.715.760.799</b>	<b>24.241.339.823</b>
- Dự án Cấp thoát nước VSMT TX.Sa Đéc (**)	3.775.665.968	4.066.101.812
- Dự án Hệ thống cấp nước TX Hồng Ngự (**)	3.056.861.331	3.292.004.511
- Dự án Hệ thống cấp nước Thường Thới Tiền	16.883.233.500	16.883.233.500
<b>Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>511.011.322.996</b>	<b>510.762.282.783</b>

(\*) Là khoản Cty mượn 9 xe ép rác và 1 ô tô chở rác với tổng giá trị là 14.354.692.350 đồng.

(\*\*) Đây là khoản phải trả liên quan đến các công trình xây dựng bằng vốn ODA và nguồn vốn đối ứng ngân sách Nhà nước. Sau khi các công trình trên hoàn thành, Công ty sẽ bàn giao cho cơ quan tiếp quản và sử dụng theo chỉ đạo của UBND Tỉnh Đồng Tháp căn cứ vào công văn số 1445/STC-TCDN của Sở Tài chính Tỉnh Đồng Tháp ngày 29/06/2018 về việc điều chỉnh vốn điều lệ và quyết toán quá trình cổ phần hóa.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2020		Trong năm		Tại 01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ (VND)
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>54.750.282.368</b>	<b>54.750.282.368</b>	<b>78.236.083.911</b>	<b>69.777.078.798</b>	<b>46.291.277.255</b>	<b>46.291.277.255</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	9.000.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000	12.975.451.487	12.975.451.487	12.975.451.487
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	20.323.713.000	20.323.713.000	20.323.713.000	20.835.200.000	20.835.200.000	20.835.200.000
- Ngân hàng Công Thương VN	-	-	12.489.350.737	24.969.976.505	12.480.625.768	12.480.625.768
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (3)	25.426.569.368	25.426.569.368	36.423.020.174	10.996.450.806	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>95.646.486.700</b>	<b>95.646.486.700</b>	<b>22.233.901.700</b>	<b>29.750.913.000</b>	<b>103.163.498.000</b>	<b>103.163.498.000</b>
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam (1)	57.193.964.000	57.193.964.000	-	9.000.000.000	66.193.964.000	66.193.964.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp (2)	36.742.821.000	36.742.821.000	20.097.000.000	20.323.713.000	36.969.534.000	36.969.534.000
- Ngân hàng Ngoại Thương VN (3)	1.709.701.700	1.709.701.700	2.136.901.700	427.200.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>150.396.769.068</b>	<b>150.396.769.068</b>	<b>100.469.985.611</b>	<b>99.527.991.798</b>	<b>149.454.775.255</b>	<b>149.454.775.255</b>

**\* Chi tiết các khoản vay như sau:**

STT	Số hợp đồng	Hạn mức (VND)	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(1)	Hợp đồng vay vốn ODA số 01/2013/HDODA-NHPTVN	112.460.000.000	Đầu tư tài sản cố định của Dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp, công suất 10.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm – hạng mục xây dựng và thiết bị	0,3%/năm	15 năm	Toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư là công trình dự án hệ thống cấp nước Thị xã Hồng Ngự, Tỉnh Đồng Tháp
(2)	Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Tháp		Thanh toán chi phí xây dựng và thiết bị			Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trụ sở, nhà làm việc, đài nước, khu xử lý nước, trạm bơm
(3)	Hợp đồng số 25/2020/VCB-ĐT-CRC	25.000.000.000	Tài trợ các nhu cầu ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động kinh doanh	6%/năm	6 tháng	Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam có số dư là 3.700.000.000 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

STT	Số hợp đồng	Số tiền vay (VND)	Mục đích vay	Lãi suất	Thời hạn	Tài sản đảm bảo
(3)	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 64/2020/VCB-ĐT-CRC	696.901.700	Thanh toán tiền lắp đặt bể chứa nước dung tích 700 m <sup>3</sup>	7,4%/năm	5 năm	xe ô tô ép rác hiệu Hino
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 62/2020/VCB-ĐT-CRC	1.440.000.000	Thanh toán tiền mua xe ô tô ép rác hiệu Hino	7,4%/năm	5 năm	xe ô tô ép rác hiệu Hino

\* Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau:

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
- HĐ số 06/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 31/12/2013	Xây dựng trạm xử lý nước sông Nha Môn Huyện Châu Thành	45.011.000	7 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2014/HĐTD-ĐTPT ngày 27/06/2014	Dự án hệ thống Cấp nước Xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự, công suất 1.500m <sup>3</sup> /ngđ	1.139.272.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2015/HĐTD-ĐTPT ngày 26/10/2014	Dự án hệ thống Cấp nước Xã Thường Thới Tiền, Huyện Hồng Ngự, công suất 3.000m <sup>3</sup> /ngđ	238.285.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 05/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 23/12/2013	Dự án Xây dựng hệ thống Cấp nước Thị xã Hồng Ngự, công suất 10.000m <sup>3</sup> /ngđ	6.333.702.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 06/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 14/06/2017	Cầu Cái Sao Thượng đến Khu 500 căn	619.443.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 01/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 25/02/2018	Dự án Xây dựng Khoan 2 giếng KDC Phú Long, Thành phố Sa Đéc và Xã Phương Trà, giai đoạn , công suất 2.400 m <sup>3</sup> /ngày đêm	927.568.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 07/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 06/07/2017	Dự án Tuyến ống Cấp nước truyền tải từ Nhà máy nước mặt Đông Bình về Thành phố Cao Lãnh	9.746.316.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 08/2017/HĐTD-ĐTPT ngày 17/7/2017	Dự án Công trình Nhà máy nước Đông Bình, công suất 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	11.073.436.000	8 năm	6%/năm

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

\* Chi tiết các khoản vay theo dự án như sau (tiếp):

Hợp đồng	Dự án	Tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất
- HĐ số 04/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 29/5/2018	Dự án Công trình Nhà máy nước mặt Đồng Bình, công suất 5000m <sup>3</sup> /ngày đêm, giai đoạn 2, tại xã Hòa An, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	2.725.570.000	6 năm	6%/năm
- HĐ số 03/2018/HĐTD-ĐTPT ngày 28/5/2018	Dự án Công trình Nâng công suất Nhà máy nước mặt Huyện Cao Lãnh, giai đoạn 2, công suất 2.400 m <sup>3</sup> /ngày đêm	1.334.538.000	8 năm	6%/năm
- HĐ số 04/2019/HĐTD-QĐTPT ngày 30/5/2019	Mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh 1, chi nhánh 5 - năm 2017	420.532.000	5 năm	6%/năm
- HĐ số 03/2019/HĐTD-QĐTPT ngày 30/5/2019	Mở rộng mạng lưới cấp nước chi nhánh 2 - năm 2017	1.215.861.000	4 năm	6%/năm
- HĐ số 02/2020/HĐTD-QĐTPT ngày 03/6/2020	Mua lại Nhà máy nước mặt Đồng Bình	20.097.000.000	15 năm	6%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 03	2.697.697.572	5 tháng	6%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 04	3.763.115.032	6 tháng	6%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 05	3.111.377.538	6 tháng	6%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 06	5.862.118.514	6 tháng	4,7%/năm
- HĐ vay theo hạn mức số 25/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 19/6/2020	Vay bổ sung vốn lưu động cho hoạt động SXKD - Giấy nhận nợ số 07	9.565.060.712	6 tháng	5,5%/năm
- HĐ vay từng lần trung dài hạn số 62/2020/VCB-ĐT-CRC ngày 09/12/2020	Thanh toán tiền mua xe ô tô xe ép rác HINO	1.440.000.000	5 năm	7,4%/năm
- HĐ vay từng lần trung dài hạn số 64/2020/VCB.ĐT-CRC ngày 27/12/2020	Thanh toán tiền lắp đặt bể chứa nước dung tích 700m <sup>3</sup>	696.901.700	5 năm	7,4%/năm
- HĐ số 01/2013/HDODA-NHPTVN ngày 9/4/2013	Hệ thống CN TXHN 10.000m <sup>3</sup> /ngđ (Vay NHPT)	66.193.964.000	15 năm	0,3%/năm
<b>Tổng cộng</b>		<b>150.396.769.068</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 01/01/2019</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>4.718.846.275</b>	<b>21.406.331.686</b>	<b>285.306.477.961</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	24.539.476.084	24.539.476.084
- Phân phối lợi nhuận năm 2018	-	7.492.216.090	(21.406.331.686)	(13.914.115.596)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	7.492.216.090	(7.492.216.090)	-
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.093.263.596)	(3.093.263.596)
+ Trích Quỹ thưởng Ban Điều hành	-	-	(453.600.000)	(453.600.000)
+ Chia cổ tức năm 2018	-	-	(10.367.252.000)	(10.367.252.000)
<b>Tại 31/12/2019</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>12.211.062.365</b>	<b>24.539.476.084</b>	<b>295.931.838.449</b>
<b>Tại 01/01/2020</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>12.211.062.365</b>	<b>24.539.476.084</b>	<b>295.931.838.449</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	26.710.578.329	26.710.578.329
- Phân phối lợi nhuận năm 2019 (*)	-	7.381.666.221	(24.539.476.084)	(17.157.809.863)
+ Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	7.381.666.221	(7.381.666.221)	-
+ Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	-	-	(3.568.039.823)	(3.568.039.823)
+ Trích Quỹ thưởng người quản lý Công ty chuyên trách	-	-	(423.360.000)	(423.360.000)
+ Chia cổ tức năm 2019	-	-	(13.166.410.040)	(13.166.410.040)
<b>Tại 31/12/2020</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>19.592.728.586</b>	<b>26.710.578.329</b>	<b>305.484.606.915</b>

(\*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 04/NQ-DHĐCĐ ngày 26/06/2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2020		Tại 01/01/2020	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
UBND tỉnh Đồng Tháp	85,60%	221.854.800.000	85,60%	221.854.800.000
Ông Phan Đình Hùng	0,41%	1.056.000.000	0,41%	1.056.000.000
Ông Nguyễn Văn Đê	0,22%	577.000.000	0,22%	577.000.000
Ông Nguyễn Thượng Vũ	0,20%	526.000.000	0,20%	526.000.000
Ông Nguyễn Anh Dũng	0,03%	80.000.000	0,03%	80.000.000
Ông Hoàng Quốc Hưng	0,13%	339.000.000	0,13%	339.000.000
Cổ đông khác	13,41%	34.748.500.000	13,41%	34.748.500.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>259.181.300.000</b>	<b>100%</b>	<b>259.181.300.000</b>

**22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	259.181.300.000	259.181.300.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	259.181.300.000	259.181.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	13.166.410.040	10.367.252.000

**22.4 CỔ PHIẾU**

	Tại 31/12/2020 Cổ phiếu	Tại 01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	25.918.130	25.918.130
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu thường	25.918.130	25.918.130
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**23. NGUỒN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP**

	Tại 31/12/2020	Tại 01/01/2020
	VND	VND
Nguồn Kinh phí đầu năm	29.165.009	83.489.424
Nguồn Kinh phí được cấp trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	(29.165.009)	(54.324.415)
<b>Nguồn Kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>29.165.009</b>

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>	<b>358.924.622.499</b>	<b>320.741.483.333</b>
- Doanh thu bán hàng hóa	3.691.738.825	3.073.937.109
- Doanh thu cung cấp nước sinh hoạt	273.323.620.429	245.891.402.661
- Doanh thu nước đóng chai	6.967.154.553	6.284.791.821
- Doanh thu xây lắp	9.737.160.415	7.287.589.705
- Doanh thu dịch vụ thu gom rác	59.362.250.769	53.047.190.440
- Doanh thu dịch vụ khác	5.842.697.508	5.156.571.597
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>366.973.873</b>
- Công ty TNHH Nước Đồng Bình	-	366.973.873

**25. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	-	243.774.545
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>243.774.545</b>

**26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	3.149.618.286	2.579.741.462
Giá vốn cung cấp nước sinh hoạt	186.054.899.206	151.522.089.590
Giá vốn nước đóng chai	4.789.142.070	4.460.849.871
Giá vốn xây lắp	7.044.120.251	6.429.590.074
Giá vốn dịch vụ thu gom rác	49.964.656.918	53.663.590.612
Giá vốn dịch vụ khác	4.505.426.493	4.198.640.482
<b>Cộng</b>	<b>255.507.863.224</b>	<b>222.854.502.091</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)*

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi	470.570.639	540.640.667
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20.000.000	20.000.000
Doanh thu khác	-	2.520.015
<b>Cộng</b>	<b>490.570.639</b>	<b>563.160.682</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	5.051.514.186	4.340.859.999
<b>Cộng</b>	<b>5.051.514.186</b>	<b>4.340.859.999</b>

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>38.390.204.237</b>	<b>35.728.919.010</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	17.699.912.455	20.877.837.009
- Chi phí vật liệu quản lý	527.143.241	330.465.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.934.918.171	502.697.312
- Chi phí khấu hao TSCĐ	664.116.828	714.871.848
- Thuế, phí và lệ phí	2.264.172.898	1.847.713.410
- Chi phí dự phòng	352.007.122	96.312.190
- Trích quỹ khoa học công nghệ	3.080.591.285	1.481.266.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	631.310.454	883.023.337
- Chi phí bằng tiền khác	11.236.031.783	8.994.732.904
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>29.646.951.606</b>	<b>29.855.639.319</b>
- Chi phí nhân viên bán hàng	635.942.142	606.860.976
- Chi phí vật liệu, bao bì	14.788.928.726	11.968.783.106
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	439.914.034	801.366.264
- Chi phí khấu hao TSCĐ	12.524.227.963	15.218.009.055
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.351.693	1.003.920.671
- Chi phí bằng tiền khác	234.587.048	256.699.247
<b>Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thu nhập từ phế liệu	151.479.273	-
Thu phạt vi phạm hợp đồng	2.019.000	30.505.000
Thu phí nước thải sinh hoạt	780.081.600	-
Thu nhập từ khách hàng đóng góp chi phí lắp đặt đường ống	28.517.364	56.766.972
Thu nhập từ kiểm kê thừa	111.000	18.028.017
Thu nhập khác	138.433.566	113.124.650
<b>Cộng</b>	<b>1.100.641.803</b>	<b>218.424.639</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	937.225.067	833.341.950
Chi phạt hành chính, phạt chậm nộp, phạt vi phạm hợp đồng, bồi thường	536.333.000	90.130.832
Vật tư thiếu sau kiểm kê	-	12.350.727
Chi phí khác	29.219.200	77.289.700
<b>Cộng</b>	<b>1.502.777.267</b>	<b>1.013.113.209</b>

**32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	133.381.488.600	123.207.619.717
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.599.939.589	61.211.560.366
Chi phí công cụ dụng cụ	4.602.537.194	2.604.885.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.367.957.196	50.719.116.213
Thuế, phí và lệ phí	2.264.172.898	6.600.095.146
Chi phí dự phòng	352.007.122	96.312.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.125.479.470	6.820.224.508
Chi phí bằng tiền khác	44.065.491.700	30.090.457.516
<b>Cộng</b>	<b>319.759.073.769</b>	<b>281.350.271.069</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>30.416.524.421</b>	<b>27.486.260.481</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>2.447.785.652</b>	<b>2.001.583.484</b>
- Chi phí bị phạt thuế, vi phạm hành chính	536.333.000	90.130.832
- Chi phí khấu hao không được trừ	1.911.452.652	1.911.452.652
<b>Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>(20.000.000)</b>	<b>(20.000.000)</b>
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(20.000.000)	(20.000.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>32.844.310.073</b>	<b>29.467.843.965</b>
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động cung cấp nước sinh hoạt và dịch vụ thu gom rác	28.629.159.231	30.079.807.222
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác	4.215.150.842	(611.963.257)
<b>Thuế suất thuế TNDN</b>		
- Thuế suất thuế TNDN ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất hoạt động kinh doanh khác không được hưởng ưu đãi thuế	20%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>3.705.946.092</b>	<b>2.946.784.397</b>

**34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2020	Năm 2019
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)</b>	<b>26.710.578.329</b>	<b>24.539.476.084</b>
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	-	(3.568.039.823)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (VND) (*)	-	(423.360.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	25.918.130	25.918.130
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.031</b>	<b>793</b>

(\*) Theo Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán, Công ty chưa ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận 2019 để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Trong năm 2020, căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/06/2020, Công ty đã trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ khen thưởng ban điều hành như được nêu tại mục 21.1 của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2019 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Ngoài ra, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi do Công ty chưa có số liệu về tỷ lệ trích quỹ này từ lợi nhuận năm 2020.

**35. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***36. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm 2020	Cung cấp nước sinh hoạt	Dịch vụ thu gom rác	Bán nước đóng chai và vật tư	Dịch vụ xây lắp	Dịch vụ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	273.323.620.429	59.362.250.769	10.658.893.378	9.737.160.415	5.842.697.508	358.924.622.499
Giá vốn bộ phận	(186.054.899.206)	(49.964.656.918)	(7.938.760.356)	(7.044.120.251)	(4.505.426.493)	(255.507.863.224)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>87.268.721.223</b>	<b>9.397.593.851</b>	<b>2.720.133.022</b>	<b>2.693.040.164</b>	<b>1.337.271.015</b>	<b>103.416.759.275</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(68.037.155.843)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						35.379.603.432
Doanh thu hoạt động tài chính						490.570.639
Chi phí tài chính						(5.051.514.186)
Thu nhập khác						1.100.641.803
Chi phí khác						(1.502.777.267)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(3.705.946.092)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>26.710.578.329</b>
<b>Tổng Tài sản</b>						<b>1.030.998.308.898</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>						<b>725.513.701.983</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐỒNG THÁP**

Số 01 Tôn Đức Thắng, Phường 1, TP.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)***36. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Năm 2019	Cung cấp nước sinh hoạt VND	Dịch vụ thu gom rác VND	Bán nước đóng chai và vật tư VND	Dịch vụ xây lắp VND	Dịch vụ khác VND	Cộng VND
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	245.891.402.661	53.047.190.440	9.358.728.930	7.043.815.160	5.156.571.597	320.497.708.788
Giá vốn bộ phận	(151.522.089.590)	(53.663.590.612)	(7.040.591.333)	(6.429.590.074)	(4.198.640.482)	(222.854.502.091)
<b>Kết quả kinh doanh theo bộ phận</b>	<b>94.369.313.071</b>	<b>(616.400.172)</b>	<b>2.318.137.597</b>	<b>614.225.086</b>	<b>957.931.115</b>	<b>97.643.206.697</b>
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(65.584.558.329)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						32.058.648.368
Doanh thu hoạt động tài chính						563.160.682
Chi phí tài chính						(4.340.859.999)
Thu nhập khác						218.424.639
Chi phí khác						(1.013.113.209)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(2.946.784.397)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>						<b>24.539.476.084</b>
<b>Tổng Tài sản</b>						<b>1.003.553.458.020</b>
<b>Tổng Nợ phải trả</b>						<b>707.592.454.562</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**37. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

<u>Giao dịch với các bên liên quan</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Doanh thu với bên liên quan</b>	-	<b>366.973.873</b>
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	366.973.873
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ từ bên liên quan</b>	-	<b>7.196.997.290</b>
- Công ty TNHH Nước Đông Bình	-	7.196.997.290
<u>Thu nhập của người quản lý</u>	<u>Năm 2020</u>	<u>Năm 2019</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Thu nhập từ tiền lương, thưởng, phụ cấp của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty	4.437.804.236	5.170.018.919
- Thù lao của Ban Kiểm soát	54.000.000	54.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.437.804.236</b>	<b>5.170.018.919</b>

**38. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**38.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Công ty thuê đất của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Đồng Tháp làm trụ sở theo hợp đồng số 4789/HĐ-TNMT-QLSDD ngày 16/08/2012, thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 15/01/1997. Theo quyết định 6790/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê đất còn lại (từ ngày 27/12/2016 đến hết ngày 14/01/2017). Hiện Công ty đang tiến hành các thủ tục tham gia đấu giá quyền sử dụng đất.
- Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTD ngày 24/06/2009 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 2.545 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất là 2.438 đồng/m<sup>2</sup>/năm (ổn định trong vòng 05 năm). Tại ngày 11/09/2017, Công ty Cổ Phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận số CT06226 với tổng diện tích là 1.905,6 m<sup>2</sup>.
- Hợp đồng thuê đất số 32/HĐTD ngày 30/05/2008 giữa Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 826,5 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất là 308 đồng/m<sup>2</sup>/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo)

**38. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**38.1 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP)**

- Hợp đồng thuê đất số 35/HĐTD ngày 25/12/2009 Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Công ty TNHH MTV Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp với tổng diện tích là 6.837,1 m<sup>2</sup> và đơn giá thuê đất là 539 đồng/m<sup>2</sup>/năm (ổn định trong vòng 05 năm).

Công ty được miễn tiền thuê đất hàng năm theo Điều 1, Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 sửa đổi, bổ sung Nghị định 117/2007/NĐ-CP về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

**38.2 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**38.3 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tại ngày 31/12/2020, khoản nợ ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán (sau khi trừ các khoản phải trả bằng dự án và tài sản dài hạn khác) đã vượt quá tài sản ngắn hạn với giá trị là 29.103.537.956 đồng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty có thể tạo đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 vẫn được lập trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Ngoài ra, không có bất kỳ sự kiện nào khác gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

**38.4. CÁC THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được trình bày lại như được nêu tại thuyết minh số 34, 35 của Thuyết minh Báo cáo tài chính, chi tiết như sau:

Chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Mã số	Năm 2019	Năm 2019
		đã kiểm toán VND/ cổ phiếu	sau điều chỉnh VND/ cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	947	793
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	947	793

Tp. Cao Lãnh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Người lập biểu

Lý Thu Cúc

Kế toán trưởng

Hoàng Quốc Hưng



Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Đễ